Chi tiết mã HS 2915.36.00

Mã HS	2915.36.00
Mô tả hàng hóa	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Dinoseb(ISO) axetat
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	11/11/2026 22:37:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29153600/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4058
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4058
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4058
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4002
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3963
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3963
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3963
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3963
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3963
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3963
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4001
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4001

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4001
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4001
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4001
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4001
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4005
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4005
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4005
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4005
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4005
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4005
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4005
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3969
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3965
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3965
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3965
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3965
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3965
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3965
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3965
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3965
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3965
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3965
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3965
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3965
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4012
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4012

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4012
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4012
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4012
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4012
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4009
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4009
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4009
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4009
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4009
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4009
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4017
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4017
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4017
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4017
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4017
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4017
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3988
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3988
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3988
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3988
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3988
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3988
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3990
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3990
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3990
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3990

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3990
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3990
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3988
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3988
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3988
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3988
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3988
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3988
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3988
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4009
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4009
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4009
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4009
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4009
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4009
RCEP B	2022	2022	0	B!D4009
RCEP B	2023	2023	0	B!E4009
RCEP B	2024	2024	0	B!F4009
RCEP B	2025	2025	0	B!G4009
RCEP B	2026	2026	0	B!H4009
RCEP B	2027	2027	0	B!I4009
RCEP C	2022	2022	0	C!D4009
RCEP C	2023	2023	0	C!E4009
RCEP C	2024	2024	0	C!F4009
RCEP C	2025	2025	0	C!G4009
RCEP C	2026	2026	0	C!H4009

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4009
RCEP D	2022	2022	0	D!D4009
RCEP D	2023	2023	0	D!E4009
RCEP D	2024	2024	0	D!F4009
RCEP D	2025	2025	0	D!G4009
RCEP D	2026	2026	0	D!H4009
RCEP D	2027	2027	0	D!I4009
RCEP E	2022	2022	0	E!D4012
RCEP E	2023	2023	0	E!E4012
RCEP E	2024	2024	0	E!F4012
RCEP E	2025	2025	0	E!G4012
RCEP E	2026	2026	0	E!H4012
RCEP E	2027	2027	0	E!I4012
RCEP F	2022	2022	0	F!D4009
RCEP F	2023	2023	0	F!E4009
RCEP F	2024	2024	0	F!F4009
RCEP F	2025	2025	0	F!G4009
RCEP F	2026	2026	0	F!H4009
RCEP F	2027	2027	0	F!I4009
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3681
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3681
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3681
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3681

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2915.36.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2915.36.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4058), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.